

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 249/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 13 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính cấp xã được chuẩn hóa thực hiện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính cấp xã được chuẩn hóa thực hiện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Nội dung các bộ phận cơ bản của thủ tục hành chính được công bố không nêu trong Quyết định này được thực hiện theo Quyết định công bố thủ tục hành chính của bộ, cơ quan ngang bộ trong lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước. Các thủ tục hành chính cấp xã thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương thực hiện theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

Điều 2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành có thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này, theo phạm vi chức năng quản lý nhà nước chỉ đạo rà soát, xây

dụng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các thủ tục hành chính cấp xã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại các Quyết định trước Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Hoàng Xuân Ánh

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ ĐƯỢC CHUẨN HÓA THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG
(Kèm theo Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

* Các thủ tục hành chính được công bố tại Phụ lục này thực hiện **tiếp nhận và trả kết quả tại: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã; trường hợp khác thực hiện theo ghi chú.**

* Tổ chức, cá nhân thực hiện nộp hồ sơ qua Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ:

1. Cổng dịch vụ công quốc gia: <https://dichvucong.gov.vn>
2. Cổng dịch vụ công cấp tỉnh: <https://dichvucong.caobang.gov.vn>

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
A. NGÀNH CÔNG THƯƠNG (02 TTHC)						
Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thủy điện						
1	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã (2.000184)	16 ngày làm việc	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết (THGQ) từ 20 ngày xuống còn 16 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định 3248A/QĐ-BCT ngày 07/9/2018 của

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Bộ trưởng Bộ Công Thương.
2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã (2.000206)	16 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	-Cắt giảm THGQ từ 20 ngày xuống còn 16 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định 3248A/QĐ-BCT ngày 07/9/2018.

B. NGÀNH GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO (05 TTHC)

Lĩnh vực Các cơ sở giáo dục khác (05 TTHC)

1	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học (1.004441)	08 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; - Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-	-Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống 08 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/06/2021 của Bộ trưởng Bộ
---	---	------------------	--	-------	---	--

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ.	Giáo dục và Đào tạo.
2	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (1.004492)	16 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 20 ngày xuống 16 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/06/2021.
3	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại (1.004443)	08 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống 08 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/06/2021.
4	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	16 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ;	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 20

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	(1.004485)		công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.		- Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ.	ngày xuống 16 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/06/2021.
5	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập) (2.001810)	Không quy định	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/06/2021.
C. NGÀNH LAO ĐỘNG, THƯƠNG BÌNH VÀ XÃ HỘI (10 TTHC)						
I. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (07 TTHC)						
1	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật (1.001699)	20 ngày làm việc	Trực tiếp	Không	- Luật người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010; - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật;	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 25 ngày xuống 20 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định 596/QĐ-LĐTĐ ngày 25/04/2019

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					- Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện.	của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
2	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật (1.001653)	04 ngày làm việc	Trực tiếp	Không	- Luật người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010; - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày xuống 04 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định 596/QĐ-LĐTBXH ngày 25/04/2019.
3	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở (2.000751)	1,5 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 02 ngày xuống 1,5 ngày làm việc.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			tuyển toàn trình.		4	- Thủ tục được công bố tại Quyết định 635/QĐ-LĐTBXH ngày 03/06/2021 Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
4	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế (2.000602)	08 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; - Quyết định 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020; - Thông tư 02/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình xác định hộ gia đình làm nông nghiệp, 	<ul style="list-style-type: none"> - Cắt giảm THGQ từ 10 xuống 08 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định 1266/QĐ-LĐTBXH ngày 28/09/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020.	
5	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. (2.000355)	08 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.	- Cắt giảm THGQ từ 10 xuống 08 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định 1593/QĐ-LĐTBXH ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
6	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm (1.000506)	05 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.	- Cắt giảm THGQ từ 07 xuống 05 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định 1603/QĐ-LĐTBXH ngày 12/11/2018 của Bộ

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					- Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.	trường Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
7	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm (1.000489)	05 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Cắt giảm THGQ từ 07 xuống 05 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định 1603/QĐ-LĐTBXH ngày 12/11/2018.
II.Lĩnh vực Người có công (01 TTHC)						

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công (1.010833)	05 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
III.Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội (02 TTHC)						
1	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện (1.010941)	02 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14; - Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống ma túy, Luật xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.	- Cắt giảm THGQ từ 03 xuống 02 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định 470 /QĐ-LĐTBXH ngày 03/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình (1.000132)	2,5 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Nghị định 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng	- Cắt giảm THGQ từ 03 xuống 2,5 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định 1724/QĐ-LĐTBXH ngày 24/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

D. NGÀNH NỘI VỤ (15 TTHC)

I.Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng (05 TTHC)

1	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị (1.000775)	Thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua khen thưởng ngày 14/6/2005; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua khen thưởng ngày 16/11/2013;	- TTHC được công bố tại Quyết định số 318/QĐ-BNV ngày 09/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. - Đã cắt giảm thời hạn thẩm định hồ sơ
---	---	--	--	-------	---	---

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng; - Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 02/03/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành quy chế thi đua, khen thưởng tỉnh Cao Bằng. 	<p>từ 20 ngày xuống 16 ngày làm việc.</p>
2	<p>Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề (2.000346)</p>	<p>-Thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình. 	<p>Không</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua khen thưởng ngày 14/6/2005; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013; - Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ; - Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 	<ul style="list-style-type: none"> - TTHC được công bố tại Quyết định số 318/QĐ-BNV ngày 09/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. - Đã cắt giảm thời hạn thẩm định hồ sơ từ 20 ngày xuống 16 ngày làm việc.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					02/03/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng.	
3	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất (2.000337)	-Thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua khen thưởng ngày 14/6/2005; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013; - Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ; - Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 02/03/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng.	- TTHC được công bố tại Quyết định số 318/QĐ-BNV ngày 09/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. - Cắt giảm THGQ từ 20 ngày xuống 16 ngày làm việc.
4	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình (1.000748)	-Thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua khen thưởng ngày 14/6/2005; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi	- TTHC được công bố tại Quyết định số 318/QĐ-BNV ngày 09/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					đưa, khen thưởng ngày 16/11/2013; - Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ; - Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 02/03/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng.	- Cắt giảm thời hạn thẩm định hồ sơ từ 20 ngày xuống 16 ngày làm việc.
5	Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến (2.000305)	-Thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 8 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua khen thưởng ngày 14/6/2005; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013; - Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ; - Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 02/03/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng.	- TTHC được công bố tại Quyết định số 318/QĐ-BNV ngày 09/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. - Cắt giảm THGQ từ 10 ngày xuống 08 ngày làm việc.
II.Lĩnh vực Tôn giáo Chính phủ (10 TTHC)						

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng (2.000509)	12 ngày	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016; - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.	- TTHC được công bố tại Quyết định số 199/QĐ-BNV ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. - Cắt giảm THGQ từ 15 ngày xuống 12 ngày.
2	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng (1.001028)	12 ngày	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016; - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ.	- TTHC được công bố tại Quyết định số 199/QĐ-BNV ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. - Cắt giảm THGQ từ 15 ngày xuống 12 ngày.
3	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung (1.001055)	16 ngày	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực	Không	- Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016; - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ.	- TTHC được công bố tại Quyết định số 199/QĐ-BNV ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			tuyên toàn trình.			- Cắt giảm THGQ từ 20 ngày xuống 16 ngày.
4	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã (1.001078)	Ngay sau khi nhận được văn bản thông báo hợp lệ	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016; - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ.	- TTHC được công bố tại Quyết định số 199/QĐ-BNV ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.
5	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã (1.001085)	Ngay sau khi nhận được văn bản thông báo hợp lệ	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016; - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ.	- TTHC được công bố tại Quyết định số 199/QĐ-BNV ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.
6	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung (1.001090)	12 ngày	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực	Không	- Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016; - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ.	- TTHC được công bố tại Quyết định số 199/QĐ-BNV ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			tuyển toàn trình.			- Cắt giảm THGQ từ 15 ngày xuống 12 ngày.
7	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã (1.001098)	12 ngày	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016; - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ.	- TTHC được công bố tại Quyết định số 199/QĐ-BNV ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. - Cắt giảm THGQ từ 15 ngày xuống 12 ngày.
8	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác (1.001109)	16 ngày	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016; - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ.	- TTHC được công bố tại Quyết định số 199/QĐ-BNV ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. - Cắt giảm THGQ từ 20 ngày xuống 16 ngày.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
9	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung (1.001156)	Ngay sau khi nhận được văn bản thông báo hợp lệ	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016; - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ.	- TTHC được công bố tại Quyết định số 199/QĐ-BNV ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.
10	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc (1.001167)	Ngay sau khi nhận được văn bản thông báo hợp lệ	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016; - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ.	- TTHC được công bố tại Quyết định số 199/QĐ-BNV ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.
E. NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (09 TTHC)						
I.Lĩnh vực Khoa học, công nghệ và môi trường (01 TTHC)						
1	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (1.008838)	03 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật đa dạng sinh học số 20/2008/QH12; - Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.	- TTHC được công bố tại Quyết định số 3480/QĐ-BNN-KHCN ngày 01/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						ngành và Phát triển nông thôn.
II.Lĩnh vực Thủy lợi (03 TTHC)						
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện) (2.001621)	06 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14; - Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.	- TTHC được công bố tại Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/06/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cắt giảm THGQ từ 07 xuống 06 ngày làm việc
2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	16 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; - Khoản 1; khoản 3; điểm a khoản 4; điểm a khoản 5 - Điều 7 Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	- TTHC được công bố tại Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	(1.003446)					nghiệp và Phát triển nông thôn.
3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã (1.003440)	16 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; - Khoản 1; khoản 3; điểm a khoản 4; điểm a khoản 5 - Điều 26 Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	-Cắt giảm THGQ từ 20 xuống 16 ngày làm việc
III. Lĩnh vực Phòng, chống thiên tai (05 TTHC)						
1	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu (2.002163)	07 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Nghị định 02/2017/NĐ- CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.	- TTHC được công bố tại Quyết định số 3499/QĐ-BNN- PCTT ngày 11/09/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh (2.002162)	15 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không		

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai (2.002161)	15 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không		
4	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội (1.010092)	24 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Điều 35 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đề	- TTHC được công bố tại Quyết định số 3461/QĐ-BNN-PCTT ngày 04/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cắt giảm THGQ từ 30 xuống 24 ngày làm việc.
5	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa	20 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực	Không	- Điều 35 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ.	- TTHC được công bố tại Quyết định số 3461/QĐ-BNN-PCTT ngày 04/08/2021 của Bộ

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội (1.010091)		tuyên toàn trình.			trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cắt giảm THGQ từ 25 xuống 20 ngày làm việc.
F. NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (02 TTHC)						
I.Lĩnh vực Đất đai (01 TTHC)						
1	Hòa giải tranh chấp đất đai (1.003554)	- Không quá 45 ngày; - 60 ngày (đối với xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, xã có điều kiện KTXH khó khăn).	Trực tiếp	Không	- Luật đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.	- TTHC được công bố tại Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
II.Lĩnh vực Môi trường (01 TTHC)						
1	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	15 ngày	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;	- TTHC được công bố tại Quyết định số 87/QĐ-BTNMT

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	(1.010736)		công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.		- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.	ngày 14/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
G. NGÀNH THANH TRA (07 TTHC)						
I.Lĩnh vực Xử lý đơn (01 TTHC)						
1	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã (2.002501)	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; - Luật Tố cáo ngày 12/6/2018; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; - Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra	- TTHC được công bố tại Quyết định số 194/QĐ-TTCP ngày 20/05/2022 của Tổng Thanh tra Chính phủ. - Địa điểm thực hiện TTHC: Địa điểm tiếp công dân thuộc UBND cấp xã

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.	
II.Lĩnh vực Tiếp công dân (01 TTHC)						
1	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã (1.010945)	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Trực tiếp	Không	- Luật Tiếp công dân 2013; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân; - Thông tư số 04/2021/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ ngày 01/10/2021 quy định quy trình tiếp công dân	- TTHC được công bố tại Quyết định số 193/QĐ-TTCP ngày 20/05/2022 của Tổng Thanh tra Chính phủ. - Địa điểm thực hiện TTHC: Địa điểm tiếp công dân thuộc UBND cấp xã
III.Lĩnh vực Giải quyết tố cáo (01 TTHC)						
1	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã (2.002396)	- Không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. - Đối với vụ việc phức tạp thì có thể	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Tố cáo 2018; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo.	- TTHC được công bố tại Quyết định số 700/QĐ-TTCP ngày 09/10/2019

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. - Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.				của Tổng Thanh tra Chính phủ.
IV.Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại (01 TTHC)						
1	Thủ tục Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã (2.002409)	- Không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. - Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày; đối với vụ	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Khiếu nại 2011; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại 2011.	- TTHC được công bố tại Quyết định số 424/QĐ-TTCP ngày 29/07/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.				
V.Lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng (03 TTHC)						
1	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập (2.002400)	Theo Điều 36 Luật PCTN số 36/2018/QH14	Việc kê khai tài sản, thu nhập được tiến hành tại cơ quan, tổ chức, đơn vị của người có nghĩa vụ phải kê khai.	Không	- Luật phòng chống tham nhũng số 36/2018/QH14; - Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.	- TTHC được công bố tại Quyết định số 70/QĐ-TTCP ngày 08/03/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ. - Địa điểm thực hiện TTHC: Tại cơ quan, tổ chức, đơn vị người có nghĩa vụ kê khai; cơ quan, đơn vị khu vực Nhà nước
2	Thủ tục Tiếp nhận yêu cầu giải trình (2.002402)	05 ngày làm việc	Trực tiếp hoặc gửi bằng văn bản	Không	- Luật phòng chống tham nhũng số 36/2018/; - Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tham nhũng	
3	Thủ tục Thực hiện việc giải trình (2.002403)	- 15 ngày làm việc đối với vụ việc thường;	- Trường hợp yêu cầu giải trình trực tiếp có nội dung đơn giản thì việc giải trình có thể thực hiện bằng hình	Không		

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		- 30 ngày làm việc đối với vụ việc phức tạp.	thức trực tiếp nhưng phải được lập thành biên bản có chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên. - Giải trình được thực hiện bằng ban hành văn bản giải trình.			
H. NGÀNH TƯ PHÁP (45 TTHC)						
I.Lĩnh vực Chứng thực (11 TTHC)						
1	Cấp bản sao từ sổ gốc (2.000908)	- Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch	- TTHC được công bố tại Quyết định 1024/QĐ-BTP ngày 09/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thủ tục hành chính áp dụng chung. - Địa điểm thực hiện TTHC: Tại cơ

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						quan, tổ chức quản lý sổ gốc.
2	<p>Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận (2.000815)</p>	<p>- Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.</p> <p>- Đối với trường hợp phức tạp có thể kéo dài thêm 02 ngày làm việc hoặc theo thỏa thuận với người yêu cầu.</p>	<p>- Trực tiếp; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.</p>	<p>2.000 đồng/trang; từ trang 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/ bản. Trang là căn cứ thu phí tính theo trang của bản chính.</p>	<p>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; - Thông tư số 257/2016/TT_BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định</p>	<p>- TTHC được công bố tại Quyết định số 1329/QĐ-BTP ngày 01/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp .</p> <p>- Thủ tục hành chính áp dụng chung.</p> <p>- Địa điểm thực hiện TTHC: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; Tổ chức hành nghề công chứng.</p>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.	
3	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được) (2.000884)	- Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một văn bản)	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 257/2016/TT_BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
4	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch (2.000913)	- Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- TTHC được công bố tại Quyết định số 1329/QĐ-BTP ngày 01/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp . - Thủ tục hành chính áp dụng chung.
5	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch (2.000927)	- Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Địa điểm thực hiện TTHC: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.
6	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp	- Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ công trực	2.000 đồng/trang; từ trang 3 trở lên thu 1.000	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ;	

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	đồng, giao dịch đã được chứng thực (2.000942)	trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.	tuyên một phần.	đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/ bản. (Trang là căn cứ thu phí được tính theo trang của bản chính)	- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
7	Thủ tục Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở (2.001035)	Không quá 01 ngày làm việc hoặc kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	50.000 đồng/ hợp đồng, giao dịch	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- TTHC được công bố tại Quyết định số 1329/QĐ-BTP ngày 01/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp . - Cắt giảm THGQ từ 02 xuống 01 ngày làm việc
8	Thủ tục Chứng thực di chúc (2.001019)	Không quá 01 ngày làm việc hoặc kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	50.000 đồng/ văn bản	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;	

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
9	Thủ tục Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản (2.001016)	Không quá 01 ngày làm việc hoặc kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	50.000 đồng/ văn bản	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
10	Thủ tục Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở (2.001406)	Không quá 01 ngày làm việc hoặc kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	50.000 đồng/ văn bản	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
11	Thủ tục Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở (2.001009)	Không quá 01 ngày làm việc hoặc kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	50.000 đồng/ văn bản	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
II. Lĩnh vực hộ tịch (24 TTHC)						
1	Thủ tục Đăng ký khai sinh (1.001193)	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Người có yêu cầu đăng ký trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	- 8.000đ. - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày	- TTHC được công bố tại Quyết định số 2228/QĐ-BTP ngày 14/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu</p>	

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một</p>	

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.</p>	
2	Thủ tục Đăng ký kết hôn (1.000894)	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn</p>	<p>Người có yêu cầu đăng ký thực hiện nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần. 	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy; 	

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		giải quyết không quá 05 ngày làm việc.			<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.. 	
3	Thủ tục Đăng ký nhận cha, mẹ, con	02 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ công trực 	- 15.000đ.	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;	- Đã thực hiện cắt giảm thời hạn giải

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	(1.001022)	giải quyết không quá 06 ngày làm việc.	tuyên một phần. (một bên có thể nộp hồ sơ mà không phải có văn bản ủy quyền của bên còn lại)	- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 	<p>quyết từ 03 ngày làm việc xuống 02 ngày làm việc.</p> <p>Trường hợp cần phải xác minh từ 08 ngày làm việc xuống 06 ngày làm việc.</p> <p>- TTHC được công bố tại Quyết định số 2228/QĐ-BTP ngày 14/11/2022.</p>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	
4	Thủ tục Đăng ký khai tử (1.000656)	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Người có yêu cầu đăng ký khai tử trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	- 8.000đ - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;	- TTHC được công bố tại Quyết định số 2228/QĐ-BTP ngày 14/11/2022.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	
5	Thủ tục Đăng ký khai sinh lưu động (1.003583)	03 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp: Công chức tư pháp - hộ tịch hướng dẫn người yêu cầu điền đầy đủ thông tin trong Tờ khai đăng ký khai sinh; kiểm tra các giấy tờ làm cơ sở cho việc đăng ký khai sinh; viết Phiếu tiếp nhận hồ sơ 	<ul style="list-style-type: none"> - 8000đ - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; 	<ul style="list-style-type: none"> - Đã thực hiện cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 làm việc xuống 03 ngày làm việc. - TTHC được công bố tại Quyết định số

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	<p>2228/QĐ-BTP ngày 14/11/2022.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm thực hiện TTHC: Tại nhà riêng của người dân hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động, bảo đảm thuận lợi cho người dân.
6	Thủ tục Đăng ký kết hôn lưu động (1.000593)	03 ngày làm việc	- Trực tiếp: Công chức tư pháp - hộ tịch có trách nhiệm kiểm tra, xác minh về điều kiện kết hôn của các bên; hướng dẫn người dân điền đầy đủ thông tin trong Tờ khai đăng ký kết hôn. Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, công chức tư pháp - hộ tịch tiếp nhận	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia 	<ul style="list-style-type: none"> - Đã thực hiện cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 làm việc xuống 03 ngày làm việc. - TTHC được công bố tại Quyết định số 2228/QĐ-BTP ngày 14/11/2022. - Địa điểm thực hiện TTHC: Tại

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			hồ sơ viết Phiếu tiếp nhận hồ sơ		sê dữ liệu số của cơ quan nhà nước; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	nhà riêng của người dân hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động, bảo đảm thuận lợi cho người dân.
7	Thủ tục Đăng ký khai tử lưu động (1.000419)	03 ngày làm việc	- Trực tiếp: Công chức tư pháp - hộ tịch hướng dẫn người yêu cầu điền đầy đủ thông tin trong Tờ khai đăng ký khai tử, kiểm tra các giấy tờ làm	- 8.000đ - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;	- Đã thực hiện cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 làm việc xuống 03 ngày làm việc.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>cơ sở cho việc đăng ký khai tử; viết Phiếu tiếp nhận hồ sơ</p>	<p>cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.</p>	<p>- TTHC được công bố tại Quyết định số 2228/QĐ-BTP ngày 14/11/2022.</p> <p>- Địa điểm thực hiện TTHC: Tại nhà riêng của người dân hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động, bảo đảm thuận lợi cho người dân.</p>
8	<p>Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (1.000110)</p>	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>	<p>Người có yêu cầu đăng ký trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; 	<ul style="list-style-type: none"> - 8.000đ. - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 	<p>- TTHC được công bố tại Quyết định số 2228/QĐ-BTP ngày 14/11/2022.</p>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>- Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.</p>	<p>người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<p>28/7/2020 của Chính phủ quy;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày</p>	

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	
9	Thủ tục Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (1.000094)	- 02 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.	Người có yêu cầu đăng ký thực hiện nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần. (bên nam hoặc bên nữ có thể nộp hồ sơ mà không cần có văn bản ủy quyền của bên còn lại).	Miễn lệ phí	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;	- Đã thực hiện cắt giảm thời hạn giải quyết từ 03 ngày làm việc. - TTHC được công bố tại Quyết định số 2228/QĐ-BTP ngày 14/11/2022.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	
10	Thủ tục Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (1.000080)	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 09 ngày làm việc.	<p>Người có yêu cầu đăng ký thực hiện nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần. <p>(một bên có thể nộp hồ sơ mà không phải có văn bản ủy quyền của bên còn lại).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 15.000đ. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; 	<ul style="list-style-type: none"> - Đã thực hiện cắt giảm THGQ từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh từ 12 ngày xuống 09 ngày làm việc. - TTHC được công bố tại Quyết định số

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 	<p>2228/QĐ-BTP ngày 14/11/2022.</p>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	
11	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (1.004827)	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.	Người có yêu cầu đăng ký trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	- 8.000đ. - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;	- TTHC được công bố tại Quyết định số 2228/QĐ-BTP ngày 14/11/2022.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	
12	Thủ tục Đăng ký giám hộ (1.004837)	02 ngày làm việc	Người có yêu cầu đăng ký trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích;	Miễn lệ phí.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy; 	<ul style="list-style-type: none"> - Đã thực hiện cắt giảm thời hạn giải quyết từ 03 làm việc ngày xuống 02 ngày làm việc. - TTHC được công bố tại Quyết định số

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>- Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.</p>		<p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày</p>	<p>2228/QĐ-BTP ngày 14/11/2022.</p>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	
13	Thủ tục Đăng ký chấm dứt giám hộ (1.004845)	01 ngày làm việc	Người có yêu cầu đăng ký trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	Miễn lệ phí.	- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;	- Đã thực hiện cắt giảm thời hạn giải quyết từ 02 làm việc ngày xuống 01 ngày làm việc. - TTHC được công bố tại Quyết định số 2228/QĐ-BTP ngày 14/11/2022

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	
14	Thủ tục Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch (1.004859)	<ul style="list-style-type: none"> - 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc. - Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ 	Người có yêu cầu đăng ký trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần. 	<ul style="list-style-type: none"> - 15.000đ. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy; 	<ul style="list-style-type: none"> - TTHC được công bố tại Quyết định số 2228/QĐ-BTP ngày 14/11/2022.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>			<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
15	Thủ tục Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (1.004873)	02 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày	Người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	- 15.000đ. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;	- TTHC được công bố tại Quyết định số 2228/QĐ-BTP ngày 14/11/2022. - Đã thực hiện cắt giảm thời hạn giải quyết từ 03 làm việc ngày xuống 02 ngày làm việc.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	
16	Thủ tục Đăng ký lại khai sinh (1.004884)	03 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày.	Người có yêu cầu đăng ký trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký lại khai sinh nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	- 8.000đ. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; 	<ul style="list-style-type: none"> - Đã thực hiện cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống 03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh từ 25 ngày xuống 10 ngày. - TTHC được công bố tại Quyết định số

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	2228/QĐ-BTP ngày 14/11/2022.
17	Thủ tục Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (1.004772)	03 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày	Người có yêu cầu đăng ký trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ: - Trực tiếp;	- 8.000đ. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng;	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;	- Đã thực hiện cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống 03 ngày làm việc. Trường hợp cần

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần. 	người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng 	<ul style="list-style-type: none"> phải xác minh từ 25 ngày xuống 10 ngày. - TTHC được công bố tại Quyết định số 2228/QĐ-BTP ngày 14/11/2022.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
18	Thủ tục Đăng ký lại kết hôn (1.004746)	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 15 ngày.	Người có yêu cầu đăng ký thực hiện nộp hồ sơ : - Trực tiếp; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần. (bên nam hoặc bên nữ có thể nộp hồ sơ mà không cần có văn bản ủy quyền của bên còn lại).	- 30.000đ. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;	- Đã thực hiện cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày làm việc. xuống 03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh từ 25 ngày xuống 15 ngày. - TTHC được công bố tại Quyết định số 2228/QĐ-BTP ngày 14/11/2022.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	
19	Đăng ký lại khai tử (1.005461)	03 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 07 ngày làm việc	Người có yêu cầu đăng ký trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký lại khai tử: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	- 8.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; 	<ul style="list-style-type: none"> - Đã thực hiện cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống 03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh từ 10 ngày xuống 07 ngày làm việc. - TTHC được công bố tại Quyết định số

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	2228/QĐ-BTP ngày 14/11/2022.
20	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con (1.000689)	02 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.	Người có yêu cầu đăng ký khai sinh và nhận cha, mẹ, con thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp (một bên có thẻ nộp hồ	- 15.000đ. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014;	- Đã thực hiện cắt giảm thời hạn giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống 02 ngày làm việc. Trường hợp cần

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			sơ mà không phải có văn bản ủy quyền của bên còn lại).	nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	<p>phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.</p> <p>- TTHC được công bố tại Quyết định số 2228/QĐ-BTP ngày 14/11/2022.</p>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
21	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi (2.000986)	- Theo thời hạn giải quyết của từng thủ tục.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.		- Luật 81/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội; - Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch.	
22	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi (2.001023)	15 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.		- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014; - Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;	

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008; - Luật Bảo hiểm y tế Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13/06/2014. 	
23	Thủ tục Cấp bản sao trích lục hộ tịch (2.000635)	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Người có yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình. 	<ul style="list-style-type: none"> - 8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; 	<ul style="list-style-type: none"> - Thủ tục hành chính thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử. - TTHC được công bố tại Quyết định số 2228/QĐ-BTP ngày 14/11/2022.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. 	
24	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	03 ngày làm việc. trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không	Người có yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người	- 8.000 đồng/Văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; 	- Thủ tục hành chính thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch, cơ quan quản

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	(2.002516)	quá 10 ngày làm việc.	khác thực hiện nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	nhân đã đăng ký. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng	lý cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử. - TTHC được công bố tại Quyết định số 2228/QĐ-BTP ngày 14/11/2022.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					nhân dân tỉnh Cao Bằng	
III. Lĩnh vực Nuôi con nuôi (03 TTHC)						
1	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước (2.001263)	20 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	- 400.000đ/ trường hợp. - Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha đẻ hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ em khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật nuôi	- Luật nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ; - Nghị định 24/2019/NĐ-CP ngày 5/3/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 267/2016/TT-BTP ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Cắt giảm thời hạn quyết từ 30 ngày xuống còn 20 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định 169/QĐ-BTP ngày 04/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.		
2	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước (2.001255)	03 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 267/2016/TT-BTP ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Cắt giảm thời hạn quyết từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định 169/QĐ-BTP ngày 04/02/2021.
3	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng	20 ngày làm việc	- Trực tiếp.	4.500.000 đồng/trường hợp	- Luật nuôi con nuôi 2010;	- Cắt giảm thời hạn quyết từ 30 ngày

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (1.003005)				- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 267/2016/TT-BTP ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	xuống còn 20 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định 169/QĐ-BTP ngày 04/02/2021.
IV.Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật (06 TTHC)						
1	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật (2.001457)	05 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20/06/2012; - Nghị định 28/2013/NĐ-CP ngày 04/04/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật;	- Thủ tục được công bố tại Quyết định 40/QĐ-BTP ngày 08/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					- Thông tư 10/2016/TT-BTP ngày 22/07/2016 của Bộ Tư pháp Quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.	
2	Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật (2.001449)	03 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20/06/2012; - Nghị định 28/2013/NĐ-CP ngày 04/04/2013 của Chính phủ; - Thông tư 10/2016/TT-BTP ngày 22/07/2016 của Bộ Tư pháp.	Thủ tục được công bố tại Quyết định 40/QĐ-BTP ngày 08/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
3	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên (2.002080)	05 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị định 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định 2338/QĐ-BTP ngày 06/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
4	Thủ tục công nhận hòa giải viên (1.002211)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Không quy định	Không	- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN Hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.	Thủ tục được công bố tại Quyết định 2338/QĐ-BTP ngày 06/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
5	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (2.000950)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Không quy định	Không	- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định 2338/QĐ-BTP ngày 06/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc.
6	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn	Không quy định	Không	Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013;	Thủ tục được công bố tại Quyết định 2338/QĐ-BTP

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	(2.000930)	bản đề nghị hoặc báo cáo về việc thôi làm hòa giải viên.			- Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTU'MTTQVN.	ngày 06/9/2018 của Bộ Tư pháp. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc.
V.Lĩnh vực bồi thường nhà nước (01 TTHC)						
1	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (2.002165)	- Tiếp nhận trực tiếp: 90 ngày; - Qua dịch vụ bưu chính công ích: 92 ngày	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước ngày 20/6/2018; - Nghị định 68/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/5/2018; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 17/05/2018 ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định 1442/QĐ-BTP ngày 26/06/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Địa điểm thực hiện TTHC: Tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ.
K. NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH (07 TTHC)						
I.Lĩnh vực Thể dục, thể thao (01 TTHC)						

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở (2.000794)	05 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	-Luật 77/2006/QH11 ngày 11/11/2016; - Nghị định 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ; - Thông tư 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 xuống 05 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 19/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
II.Lĩnh vực Văn hóa cơ sở (03 TTHC)						
1	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm (1.000954)	05 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không quy định	-Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ: Quy định về xét tặng danh hiệu "Gia đình văn hóa"; "Thôn văn hóa", "Làng văn hóa", "Áp văn hóa", "Bản văn hóa", "Tổ dân phố văn hóa".	- Thủ tục được công bố tại Quyết định 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 19/12/2021.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa (1.001120)	05 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không quy định	Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 19/12/2021.
3	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã (1.003622)	12 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không quy định	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 19/12/2021.
III.Lĩnh vực Thư viện (03 TTHC)						
1	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng (1.008901)	12 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không quy định	-Luật 46/2019/QH14 ngày 21/11/2019; - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ; - Thông tư 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống 12 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định 3506/QĐ-

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						BVHTTDL ngày 19/12/2021.
2	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng (1.008902)	12 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không quy định	-Luật 46/2019/QH14 ngày 21/11/2019; - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ; - Thông tư 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 xuống 12 ngày làm việc; - Thủ tục được công bố tại Quyết định 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 19/12/2021.
3	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng (1.008903)	12 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không quy định	-Luật 46/2019/QH14 ngày 21/11/2019; - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ; - Thông tư 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 xuống 12 ngày làm việc; - Thủ tục được công bố tại Quyết định 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 19/12/2021.
L. NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ (03 TTHC)						

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Tổ hợp tác (03 TTHC)						
1	Thông báo thành lập tổ hợp tác (2.002226)	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Bộ Luật Dân sự ngày 24/11/2015; - Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về tổ hợp tác.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định 1831/QĐ-BKHĐT ngày 21/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
2	Thông báo thay đổi tổ hợp tác (2.002227)	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Bộ Luật Dân sự ngày 24/11/2015; - Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về tổ hợp tác.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định 1831/QĐ-BKHĐT ngày 21/11/2019.
3	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác (2.002228)	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Bộ Luật Dân sự ngày 24/11/2015; - Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về tổ hợp tác.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định 1831/QĐ-BKHĐT ngày 21/11/2019.
M. NGÀNH Y TẾ (01 TTHC)						
Lĩnh vực Dân số - Sức khỏe sinh sản (01 TTHC)						

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ 10+11+12/Ngày 20-03-2023

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số (2.001088)	10 ngày làm việc	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không có	- Luật bình đẳng giới 2006; - Nghị định 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số; - Thông tư 45/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/4/2016 quy định chi tiết nghị định 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định 792/QĐ-BYT ngày 04/03/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế

Tổng số danh mục TTHC công bố:	106	TTHC
Qua dịch vụ bưu chính công ích:	74	TTHC
Qua dịch vụ công trực tuyến một phần:	33	TTHC
Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình:	52	TTHC
Tổng số TTHC cắt giảm thời hạn giải quyết	52	TTHC